

- Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**
- Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**
- Tầng 7, Tòa nhà Hồn hợp Sông Đà, Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú,
P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 33 545 735 Fax: (024) 33 542 280
- Website: www.songdal1.com.vn
- Tổ chức tư vấn:**
- Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
- Website: www.irs.com.vn
- Phụ trách công bố thông tin:**
- Họ tên: Ông Lê Văn Tuấn
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty
- Điện thoại: (024) 33 545 735 Fax: (024) 33 542 280

QUYỀN I

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 8.8./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng
khốn Nhà nước cấp ngày 27 tháng 12 năm 2018...)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành
phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018)

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU
RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÒ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC
HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Y ĐẠM BẢO
GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BẠN CỖ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CỖ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BẠN CỖ PHIẾU ĐẢ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Y ĐẠM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỖ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018)



CHÀO BẠN CỖ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Hồn hợp Sông Đà, Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 33 545 735 Fax: (024) 33 542 280
- Website: www.songdal1.com.vn

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Trụ sở chính: Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
- Website: www.its.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Ông Lê Văn Tuấn
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty
- Điện thoại: (024) 33 545 735 Fax: (024) 3354 2280

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 11

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã cổ phiếu : SJE

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 6.931.863 cổ phiếu (Bảng chữ: Sáu triệu chín trăm ba mươi một nghìn tám trăm sáu mươi ba cổ phiếu)

Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá): 69.318.630.000 đồng

Giá chào bán: 15.000 đồng/ cổ phiếu

Tổng giá trị thu được từ đợt chào bán dự kiến: 103.977.945.000 đồng (Bảng chữ: Một trăm linh ba tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH HÀ NỘI
- Địa chỉ: Số 40, Đường Giảng Võ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3 7367 879 Fax: (024) 3 7367 869
- Website: <https://www.a-c.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
- Trụ sở chính: Tầng 12 tòa nhà CDC, 25 Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
- Website: www.irs.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù.....	11
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	14
6. Rủi ro quản trị Công ty.....	16
7. Rủi ro khác.....	16
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CẠO BẠCH	17
1. Tổ chức phát hành.....	17
2. Tổ chức tư vấn.....	17
III. CÁC KHAI NIỆM	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	19
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	21
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	22
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sông Đà 11.....	30
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	31
7. Hoạt động kinh doanh.....	37
8. Bảo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	48
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	52
10. Chính sách đối với người lao động.....	58
11. Chính sách cổ tức.....	61
12. Tình hình tài chính.....	61
13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	73
14. Tài sản.....	86
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	89

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	90
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức.....	90
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	90
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	90
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	91
VI. MỨC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	96
VII. MỐI QUAN HỆ CỦA CTCP SÔNG ĐÀ 11 VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY VỚI CTCP ĐẦU TƯ ĐIỆN MẶT TRỜI.....	104
VIII.KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ BỐT CHÀO BÁN.....	105
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI BỐT CHÀO BÁN.....	106
X. PHỤ LỤC.....	106

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ số 1: GDP giai đoạn 2013-2017 và 9 tháng đầu năm 2018	8
Sơ đồ số 2: Cơ cấu các ngành giai đoạn 2013-2017 và 09 tháng đầu năm 2018	8
Sơ đồ số 3: Cơ cấu tổ chức Công ty	21
Sơ đồ số 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	22
Bảng số 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty	25
Bảng số 2: Danh sách người có liên quan của cổ đông cá nhân	25
Bảng số 3: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	27
Bảng số 4: Danh sách cổ đông sáng lập	29
Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 20/9/2018	29
Bảng số 6: Tổng hợp quá trình tăng vốn của Công ty	32
Bảng số 7: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty mẹ	38
Bảng số 8: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty (Hợp nhất)	39
Bảng số 9: Các nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty	42
Bảng số 10: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Công ty mẹ)	43
Bảng số 11: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Hợp nhất)	43
Bảng số 12: Danh mục máy móc thiết bị thi công của Công ty cổ phần Sông Đà 11	44
Bảng số 13: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	47
Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)	49
Bảng số 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)	49
Bảng số 16: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cùng ngành	53
Bảng số 18: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/9/2018	58
Bảng số 19: Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016, 2017 và dự kiến 2018	61
Bảng số 20: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)	62
Bảng số 21: Tình hình nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)	62
Bảng số 22: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)	63
Bảng số 23: Tình hình sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)	63
Bảng số 24: Mức lương bình quân giai đoạn 2015-2017	64
Bảng số 25: Số dư các khoản thuế phải nộp (Công ty mẹ)	65
Bảng số 26: Số dư các khoản thuế phải nộp (Hợp nhất)	65
Bảng số 27: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Công ty mẹ)	66
Bảng số 28: Chi tiết các khoản vay của Công ty (Hợp nhất)	67
Bảng số 29: Các khoản phải thu của Công ty (Công ty mẹ)	68
Bảng số 30: Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)	69

Bảng số 31: Các khoản phải trả của Công ty (Công ty mẹ).....	69
Bảng số 32: Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất).....	70
Bảng số 33: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Công ty mẹ).....	71
Bảng số 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất).....	72
Bảng số 35: Danh sách thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.....	73
Bảng số 36: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 (Công ty mẹ).....	86
Bảng số 37: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (Công ty mẹ).....	87
Bảng số 38: Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2017 (Hợp nhất).....	87
Bảng số 39: Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2018 (hợp nhất).....	87
Bảng số 40: Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty.....	89
Bảng số 41: Tổng mức đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú.....	101
Bảng số 42: Mọi quan hệ của CTPC Sông Đà 11 và người có liên quan của Công ty cổ phần Dầu từ Điện mặt trời.....	104

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần Sông Đà 11 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với ngành nghề chính là xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện. Đây là một ngành thiết yếu, giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Là một công ty cổ phần hoạt động trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu tác động trực tiếp từ những thay đổi trong nền kinh tế nói chung và các rủi ro khác trong ngành điện, ngành xây lắp nói riêng.

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua các yếu tố như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Một khi các yếu tố trên thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của các loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khác phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

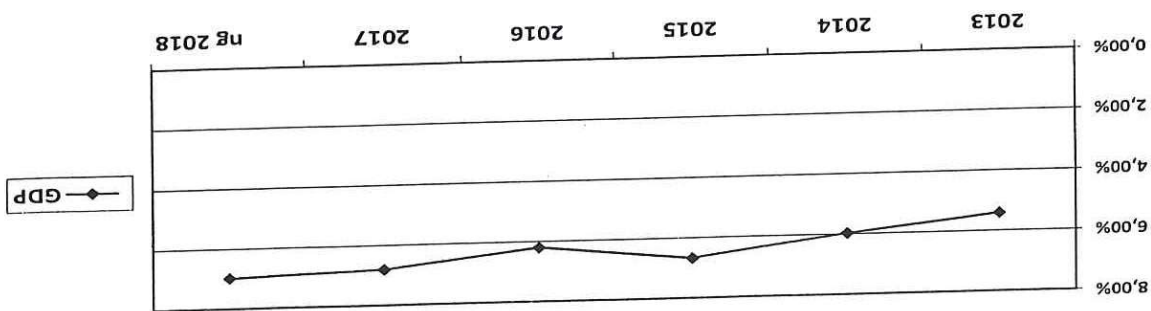
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2017, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,81% so với năm 2016. Mức tăng trưởng năm nay vượt mức tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành và sự chỉ đạo quyết liệt từ các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

Trong 9 tháng đầu năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Kết quả tăng trưởng này khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng năm 2018. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%; khu vực dịch vụ tăng 6,89%, đóng góp 42,5%. Ngành công nghiệp và xây dựng tiếp tục đóng góp cao vào

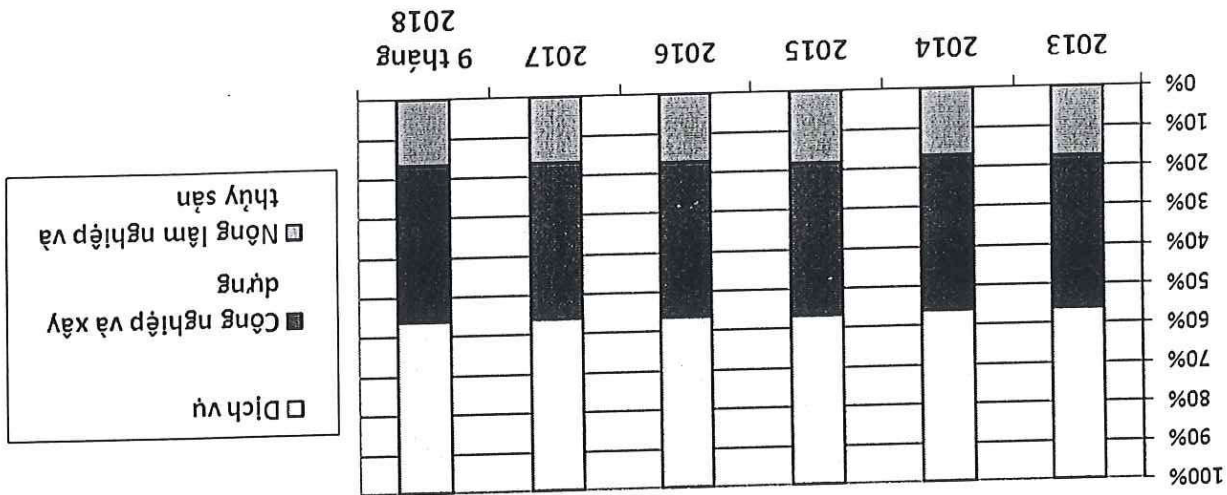
sự tăng trưởng GDP. Theo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của Quốc hội, tổng sản phẩm trong nước bình quân 5 năm đạt 6,5 – 7%. Chỉ tiêu tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP năm 2020 khoảng 85%. Điều này thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, tạo điều kiện cho ngành công nghiệp xây dựng phát triển, sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hóa theo hướng hiện đại hóa.

Sơ đồ số 1: GDP giai đoạn 2013-2017 và 9 tháng đầu năm 2018



(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục thống kê)

Sơ đồ số 2: Cơ cấu các ngành giai đoạn 2013-2017 và 09 tháng đầu năm 2018



(Nguồn: Số liệu từ Tổng cục thống kê)

Kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng đầu năm 2018 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục cải thiện nhưng tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Ngành Công nghiệp và Xây dựng tiếp tục duy trì mức độ đóng góp khá vào tăng trưởng GDP của đất nước, chiếm tỷ trọng khoảng 35,02%. Theo số liệu ước tính 9 tháng đầu năm 2018, ngành

Công nghiệp và Xây dựng đóng góp 3,46 điểm phần trăm vào tốc độ tăng của tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Nền kinh tế tiếp tục được dự đoán sẽ phát triển theo hướng tích cực nhờ triển vọng lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu, các yếu tố tích cực nội tại như môi trường kinh tế vĩ mô ổn định hơn, nội tại nền kinh tế cũng đã được củng cố sau 3 năm 2016 - 2018 tăng trưởng cao, môi trường kinh doanh được cải thiện, tiếp tục tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, cũng có nhiều thách thức cần phải lưu tâm. Giá các mặt hàng thiết yếu như xăng dầu, sắt thép, chất đốt... tăng cao đang gây áp lực lạm phát tại nhiều quốc gia. Hoạt động thương mại toàn cầu duy trì đà tăng trưởng nhưng đối mặt nhiều khó khăn do căng thẳng thương mại giữa Mỹ với Trung Quốc và các đối tác lớn khác như Liên minh Châu Âu, Nhật Bản. Đồng thời, với quy mô kinh tế nhỏ, việc ứng phó với các biến động trong tương lai của Việt Nam có thể sẽ gặp khó khăn hơn bởi dư địa tài chính, tiền tệ hạn hẹp.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, cụ thể là trong lĩnh vực thiết yếu của quốc gia là sản xuất, phân phối điện và các hoạt động xây lắp đường dây, trạm biến áp và cung cấp điện, nước phục vụ các công trình thủy điện nên công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi xu thế phát triển của ngành điện, ngành xây dựng. Tuy nhiên, với triển vọng phát triển kinh tế vĩ mô Việt Nam trong năm 2018 và những dự báo khả quan cho giai đoạn 2019-2020 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty đẩy mạnh hoạt động của mình, tăng trưởng và phát triển tốt trong giai đoạn tới.

1.2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 9 năm 2018 có mức tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 1,61% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng đầu năm 2018 tăng 1,41% so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn mức kế hoạch đề ra là dưới 4% và điều đó cho thấy chính sách tiền tệ vẫn đang được điều hành ổn định.

Tuy nhiên, giá cả hàng hóa cơ bản trên thế giới biến động, có xu hướng tăng làm gia tăng sức ép lạm phát. Vì thế, mặc dù nền kinh tế vĩ mô đang được kiểm soát ổn định nhưng rủi ro về lạm phát vẫn có thể xảy ra nếu không có giải pháp kiểm soát tốt.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đang lấy ý kiến tăng thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 10% hiện nay lên 12% từ 01/01/2019 hoặc tăng theo lộ trình lên 12% kể từ ngày 01/01/2019 và 14% từ ngày 01/01/2021. Việc tăng thuế VAT trong các năm tới sẽ hình thành một mặt bằng giá mới và là nhân tố làm gia tăng lạm phát, có nguy cơ làm giảm sức cầu của nền kinh tế trong dài hạn.

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần Sông Bà 11 ký hợp đồng dài hạn với khách hàng, trong đó giá cả được điều chỉnh

linh hoạt nhằm đảm bảo lượng hàng cung cấp cho đối tác và giá cả cạnh tranh so với thị trường.

1.3. Lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự biến động lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí lãi vay hàng năm của Công ty. Rủi ro thay đổi lãi suất Công ty liên quan đến các khoản vay hoạt động kinh doanh của Công ty tại các tổ chức tín dụng.

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng nơi chung tương đối ổn định, mặc dù một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động nhưng mức độ tăng nhỏ, không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện mặt bằng lãi suất huy động Công ty Việt Nam phổ biến ở mức 0,6%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất cho vay Công ty Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngân hàng và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngân hàng từ 4%-5%/năm. Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển hướng theo hướng tích cực tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên, các dự án lớn, trọng tâm trọng điểm theo chủ trương của Chính phủ. Theo Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2018, Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt, hỗ trợ thanh khoản hợp lý cho các tổ chức tín dụng, kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào lĩnh vực bất động sản. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, đảm bảo an toàn hệ thống. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn hoạt động thanh toán điện tử, thanh toán thẻ.

Dư nợ tín dụng của Công ty thời điểm 30/09/2018 theo Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập 9 tháng đầu năm 2018 là 757,7 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngân hàng là khoảng 275,6 tỷ đồng, dư nợ dài hạn là khoảng 482,1 tỷ đồng, Công ty đang tạm thời có khả năng trả được các khoản vay ngân hàng và dài hạn. Tuy nhiên, trong dài hạn để giảm thiểu rủi ro biến động của lãi suất, Công ty luôn theo dõi chặt chẽ biến động thị trường tiền tệ trong và ngoài nước để dự báo và điều chỉnh kế hoạch dòng tiền phù hợp.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan... Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành hàng năm luôn có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những sự thay đổi này sẽ có tác động nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro luật pháp phát sinh khi Công ty không thực hiện đúng hoặc không kịp thời cập nhật áp dụng những thay đổi của các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp hệ thống lưới điện và các trạm biến áp, định hướng phát triển của Chính phủ đối với ngành điện có ý nghĩa hết sức quan trọng với Công ty. Ngày 5/10/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 176/2004/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam giai đoạn 2004-2010, định hướng đến năm 2020 chủ trương tiếp tục phát triển lưới, hệ thống truyền tải 220, 500 KV nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng trên lưới truyền tải, bảo đảm khai thác kinh tế các nguồn điện. Như vậy, trong thời gian tới, Chính phủ vẫn giữ quan tâm ưu đãi, thuận lợi để phát triển lưới điện và các sản phẩm hỗ trợ cho ngành điện.

Bên cạnh đó, những chính sách, hướng dẫn liên quan: Thuế, chiến lược phát triển ngành điện, ... cũng có những tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế những rủi ro liên quan đến luật pháp, Công ty luôn tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh, đồng thời chủ động theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản pháp lý có liên quan nhằm đưa ra các giải pháp và định hướng kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng hệ thống đường dây tải điện, trạm, biến áp đến cấp điện áp 500KV, xây dựng hệ thống cấp và thoát nước... hoạt động của Công ty có phần Sông Đà 11 chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những rủi ro đặc thù của ngành điện và ngành xây dựng.

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, trên địa bàn cả nước có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất kinh doanh điện. Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Ngoài ra, lĩnh vực mà công ty đang hoạt động trong thời gian tới cũng

sẽ thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Điều này cũng ít nhiều tạo ra sức ép cạnh tranh đối với công ty.

Tuy nhiên, nhờ mối quan hệ chặt chẽ với Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia, Tổng Công ty Sông Đà,... Công ty vẫn đảm bảo thị trường hoạt động của mình. Song, để tăng khả năng cạnh tranh, Công ty đã chủ động triển khai đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành, công tác nghiên cứu dự báo thị trường, đặc biệt chú trọng đến chất lượng các dự án, khẳng định thương hiệu Sông Đà II qua việc đảm bảo đầu ra của mình. Cùng với đó, Công ty cũng có kế hoạch phát triển mạnh hơn các mảng khác ngoài xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi.

3.2. Rủi ro biến động giá

Trong hoạt động xây lắp và kinh doanh điện thương phẩm, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí về giá vốn, chính vì vậy biến động nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các hợp đồng tròn gói đã ký kết. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng qua cao, khiến các nhà thầu phải kéo dài thời gian thi công chờ ổn định giá vật tư hoặc phải chịu các khoản chi phí phát sinh do để hoàn thành hợp đồng đã ký.

Để hạn chế bất cập này, hiện nay các doanh nghiệp đã cố gắng để tính toán thật chính xác về khối lượng công việc, vật tư, đơn giá... để đảm bảo hiệu quả kinh tế trước khi đàm phán ký hợp đồng. Công ty chủ động xây dựng cho mình những kịch bản phù hợp. Đồng thời, tìm ra những biện pháp thi công giám thiểu chi phí với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào thi công, nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực để đối phó với rủi ro do biến động giá nguyên vật liệu gây ra. Tuy nhiên do sự hạn chế của các tài nguyên như cát, đá, nước và một phần phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên phần nào, rủi ro này khó có biện pháp khắc phục hiệu quả. Khi rủi ro xảy ra Công ty vẫn sẽ phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực mà nó mang đến.

3.3. Rủi ro ngành nghề

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình thủy điện, thủy lợi nên thị trường hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước. Một số công trình do vướng mắc công tác đền bù giải phóng mặt bằng nên công tác thi công gặp nhiều khó khăn, dẫn đến thời gian thi công bị kéo dài, chi phí dự án tăng, làm giảm lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, một số công trình Công ty thực hiện tại các vùng núi xa xôi, có địa hình, điều kiện tự nhiên phức tạp và hạn chế về nguồn nhân lực khiến công tác thi công các công trình gặp những khó khăn nhất định cho Công ty không chỉ trong công tác đảm bảo việc vận chuyển nguyên vật liệu, mày mốt thiết bị phục vụ thi công kịp thời mà việc đảm bảo nguồn lực thi công để hoàn thiện dự án đúng thời gian và đảm bảo chất lượng.

Thị trường xây lắp công trình thủy điện, thủy lợi đang dần hoàn thiện và đi vào ổn định. Trong tương lai, việc xây lắp mới sẽ có xu hướng giảm dần. Đây cũng là rủi ro cho Công ty cổ phần Sông Đà 11 trong việc đảm bảo hoạt động kinh doanh xuyên suốt, có hiệu quả trong lĩnh vực này trong dài hạn.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng (cho cổ đông hiện hữu) tăng vốn điều lệ của Công ty được dự kiến hành thập vì tỷ lệ phân phối và giá chào bán được tính toán để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông hiện hữu.

- Tuy nhiên, vẫn có khả năng xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được cổ đông đăng ký mua hết, các cổ đông ngại rủi ro sẽ không thực hiện quyền mua cổ phiếu, Công ty không huy động đủ số vốn như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán mà cổ phiếu chào bán vẫn không được phân phối hết do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có) thì số cổ phần còn lại được coi như chưa chào bán và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng. Trường hợp, các cổ đông hiện hữu tham gia mua cổ phần chỉ đạt khoảng 50% tổng số vốn cần huy động của đợt phát hành, tương ứng số tiền huy động được chỉ đạt khoảng 51,988 tỷ đồng. Số tiền còn thiếu (khoảng 51.989 tỷ đồng), Công ty sẽ huy động từ nguồn vốn vay dài hạn các ngân hàng thương mại và/ hoặc nguồn vốn nhân rồi từ các Công ty con (Vay dài hạn của Công ty cổ phần thủy điện Đak Đoa số tiền khoảng 30 tỷ đồng; vay dài hạn Công ty cổ phần thủy điện To Bường số tiền khoảng 22 tỷ đồng). Trường hợp việc chào bán cổ phiếu không thành công hoặc không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 thông qua việc xem xét cần đổi sử dụng linh hoạt nguồn vốn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và/ hoặc nguồn vốn vay dài hạn các tổ chức khác để góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú theo kế hoạch đã phê duyệt ... Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty.

4.2. Rủi ro của phương án sử dụng tiền mua được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 103.977.945.000 đồng (tính trên số tiền thu thực tế từ việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) sẽ sử dụng vào mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời để thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú. Hiện nay, Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt Trời đã ký kết xong Hợp đồng tín dụng tài trợ vốn cho dự án, hợp đồng EPC về thiết

kế, xây lắp và cung cấp, lát đất thiết bị, hợp đồng tổng thầu xây dựng đường dây và các thành hàng mục công trình khác. Chủ đầu tư cũng đã cơ bản hoàn thành các thủ tục về đền bù, giải phóng mặt bằng, các thủ tục pháp lý đầu tư, ... đã bắt đầu triển khai thực dự án. Đại hội Đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của công ty, đảm bảo hoạt động đầu tư có hiệu quả, gia tăng giá trị cho các cổ đông và bảo cáo tài chính phù hợp DHBCHD gần nhất. Bên cạnh đó, với số vốn đầu tư rất lớn, việc huy động vốn không đủ và dùng tiền độ cũng có thể tạo nên rủi ro phát sinh chi phí cho dự án đầu tư của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này là 6.931.863 cổ phiếu, tương đương 60% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty trên thị trường (11.553.105 cổ phiếu). Rủi ro pha loãng cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

➤ Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu:

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá giao dịch cổ phiếu SJF sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$P_{ic} = \frac{(P_{R-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP chào bán thêm})}{\text{Số lượng CP đang lưu hành} + \text{Số lượng CP chào bán thêm}}$$

Trong đó:

P_{ic} : Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu mới trong đợt chào bán tăng vốn

P_{R-1} : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền

PR: Giá chào bán

Ví dụ: Giá sử ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 31/10/2018. Tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền (30/10/2018), giá cổ phiếu của Công ty là 27.000 đồng/cổ phiếu, giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh là

$$P_{ic} = \frac{(27.000 \times 11.553.105) + (15.000 \times 6.931.863)}{11.553.105 + 6.931.863} = 22.500 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Tuy nhiên, mức độ pha loãng giá cổ phiếu sẽ được giảm đi khi công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt chào bán để đầu tư một cách có hiệu quả nhất, mang về tốc độ tăng trưởng tốt hơn trong tương lai.

➤ Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):

Công thức tính:

Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi¹

EPS =

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ

Giá định chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành, sự thay đổi EPS của cổ

phiếu như sau:

+ Lợi nhuận dự kiến sau thuế năm 2018 là 63.930.000.000 đồng¹

❖ Trường hợp 1: Công ty không phát hành thêm cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 11.553.105 cổ phiếu.

EPS = $\frac{63.930.000.000}{11.553.105}$

= 5.533,57 đồng

❖ Trường hợp 2: Công ty chào bán thành công cổ phiếu và dự kiến 6.931.863 cổ

phiếu phát hành thêm của Công ty chính thức lưu hành vào tháng 12 năm 2018, do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu đang lưu hành nên chỉ số EPS của Công ty sẽ có sự thay đổi như sau:

EPS = $\frac{63.930.000.000}{11.553.105 + 6.931.863}$

= 5.207,07 đồng

Như vậy, đợt chào bán này sẽ làm cho cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Rủi ro của việc pha loãng thu nhập trên cổ phiếu sẽ được hạn chế nếu Công ty tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động kinh doanh sau đợt chào bán.

➤ *Pha loãng giá trị sổ sách*

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần có thể sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của Công ty.

➤ *Pha loãng tỷ lệ biểu quyết*

Đổi tượng của đợt chào bán cổ phiếu này là Cổ đông hiện hữu, do vậy tỷ lệ biểu quyết của cổ đông sẽ không bị pha loãng khi Công ty thực hiện đợt chào bán. Tuy nhiên, trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết số lượng cổ phiếu được phân phối hoặc chỉ đăng ký mua một phần thì tỷ lệ biểu quyết của cổ đông có thể bị pha loãng. Giả sử, đối với cổ đông A có 100.000 cổ phiếu. Trường hợp cổ đông A không đăng ký mua cổ phiếu được phân phối, tỷ lệ biểu quyết của cổ đông A bị pha loãng như sau:

¹ Công ty không có cổ phần ưu đãi.

²Theo kế hoạch SXKD năm 2018 thông qua tại NQ ĐHCĐ ngày 26/4/2018.

- Trước khi chào bàn: tỷ lệ biểu quyết là 100.000/11.553.105 = 0,86%
- Sau khi chào bàn: tỷ lệ biểu quyết là 100.000/18.484.968 = 0,54%.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trường hợp, Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các nhóm cổ đông Công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các bên liên quan, quan hệ của cổ đông với Công ty, ... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động Công ty, quyền lợi của cổ đông, người lao động.

Việc Công ty chào bán 6.931.863 cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán là 103.977.945.000 đồng (thực thu từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu), trường hợp HĐQT, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn cũng tạo áp lực về Doanh thu, Lợi nhuận, Cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa theo kịp.

Để khắc phục rủi ro về quản trị, Công ty cổ phần Sông Đà 11 luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, nâng lực quản lý, trình độ chuyên môn của HĐQT, Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được DHDCE thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ký kết hợp đồng với các đơn vị tư vấn nhằm hỗ trợ công ty trong công tác quản trị, quan hệ nhà đầu tư, tư vấn tổ chức ĐH cổ đông theo quy định của pháp luật.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... nếu có gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đang nghiên cứu để tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các tài sản của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH BỘI VỚI NỘI

DUNG BẢN CAO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Ông Nguyễn Văn Sơn
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Văn Tuấn
Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà Hà Hồng Nhung
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Trần Văn Ngự
Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

- Bà Trần Thị Thu Hương
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tham gia lập trên cơ sở hợp đồng với Công ty cổ phần Sông Đà 11. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sông Đà 11 cung cấp.

III. CÁC KHAI NIỆM

SJE/ Công ty/ Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Sông Đà 11	
IRS/ Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	
DHBCD	: Đại hội đồng cổ đông
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà 11
HDQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 11
UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
SGDCKHN	: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
CTCP	: Công ty cổ phần
BCTC	: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 11
NSNN	: Ngân sách nhà nước
TSCĐ	: Tài sản cố định
VNB	: Việt Nam đồng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**
- Tên tiếng Anh: **Song Da No11 Joint Stock Company**
- Tên Công ty viết tắt: **SÔNG ĐÀ 11, JSC**
- Mã chứng khoán: **SJE**
- Logo Công ty:



- Trụ sở chính: Tầng 7 Tòa nhà Hồn hợp Sông Đà, Hà Đông, Km10 đường Trần Phú, Phường Văn Quan, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (024) 3354 4735 Fax: (024) 3354 2280
Website: <http://www.songda11.com.vn>
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11/09/2018
- Vốn điều lệ đăng ký: 115.531.050.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 115.531.050.000 đồng (Một trăm mười lăm tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tuấn – Tổng Giám đốc Công ty
- Nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Tây
Số TK: 4501 0000 000426
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
 - + Xây dựng công trình thủy
 - + Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - + Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - + Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - + Xây lắp, thi nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500 kV;
 - + Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là đội điện, nước thuộc Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà từ năm 1961. Đến năm 1973, đội này được nâng cấp thành Công ty Xây dựng Cơ điện. Năm 1976 theo Quyết định của Bộ Xây dựng, chuyển đơn vị về Thị xã Hoà Bình để chuẩn bị cho khởi công Nhà máy Thủy điện Hoà Bình trên Sông Đà và được đổi tên là “Xí nghiệp Lắp máy Điện nước” thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.

Đến năm 1989, với sự trưởng thành về quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị được nâng cấp thành Công ty Lắp máy Điện nước. Năm 1993, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 388/HĐBT thành lập lại Công ty, đổi tên thành Công ty Xây lắp Năng lượng. Đến năm 2002, với việc phát triển, đa dạng hoá ngành nghề, Công ty được đổi tên thành Công ty Sông Đà 11. Cùng năm này, Công ty vinh dự được nhận chứng chỉ quốc tế ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng.

Ngày 17 tháng 8 năm 2004, Công ty nhân Quyết định số 1332/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Ngày 04/12/2006, Công ty chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SJF.

Trong năm 2007, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn nhằm mục đích tăng nguồn vốn kinh doanh phục vụ các dự án mà Công ty đã, đang và sẽ triển khai. Công ty đã thực hiện phát hành 3.000.000 cổ phiếu, tương đương 30 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Trong năm 2010, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu tương ứng với giá trị là 7.991.410.000 đồng. Ngoài ra, trong năm 2010, với mục đích huy động vốn phục vụ cho hoạt động của Công ty như: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần thủy điện To Bùng, đầu tư dự án NCNL thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010 và đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Vĩnh Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai, Công ty đã thực hiện chào bán 2.197.756 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương đương 21.977.560.000 đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 50 tỷ đồng lên 79.968.970.000 đồng.

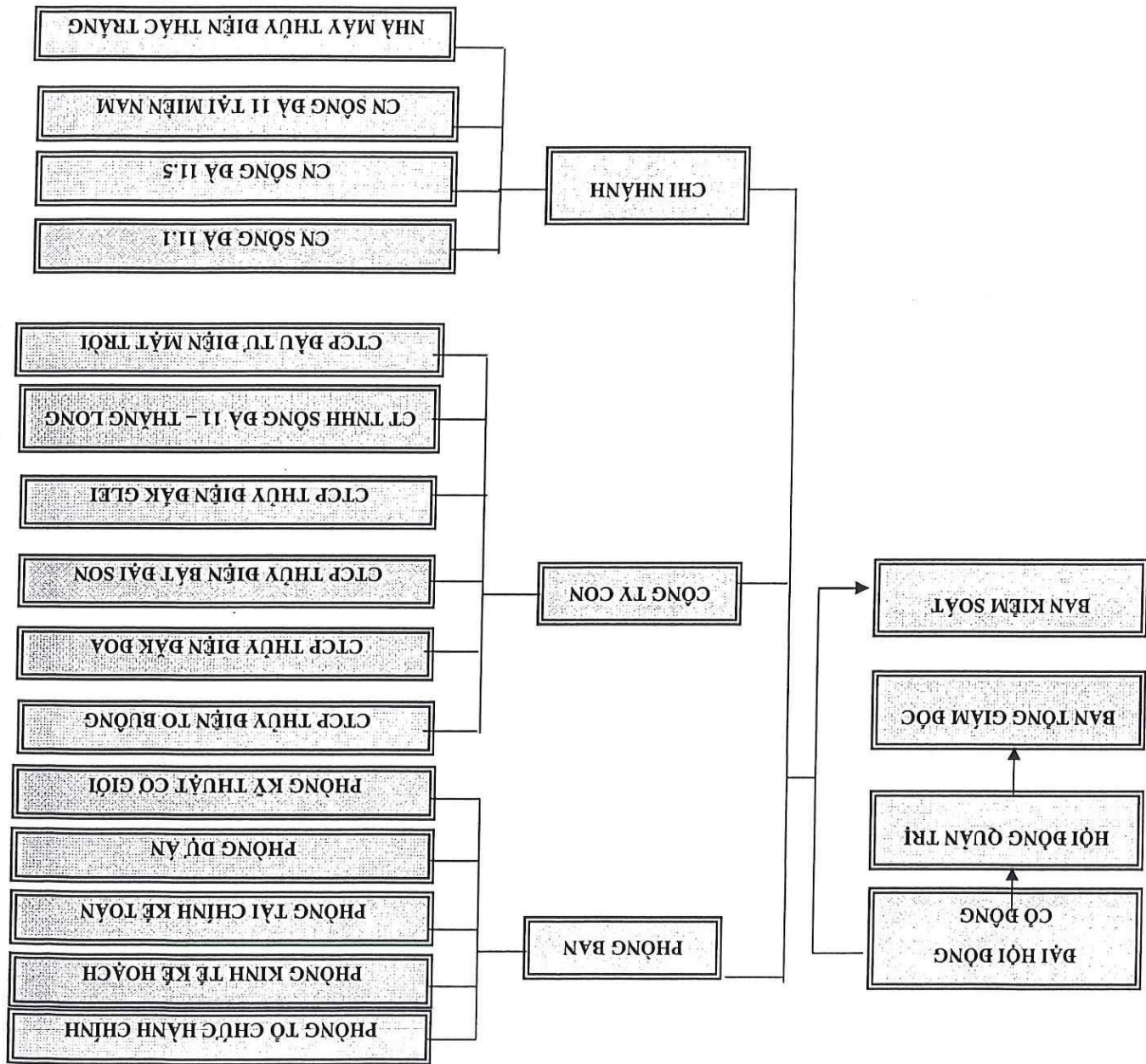
Năm 2013, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã phát hành thêm 3.556.208 cổ phiếu phổ thông để hoàn đổi cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11. Sau khi sắp nhập, Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty cổ phần Sông Đà 11 sở hữu 100% vốn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 trở thành đơn vị trực thuộc với tên gọi Chi nhánh Công ty cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam. Vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn việc phát hành là 115.531.050.000 đồng.

Trải qua gần 60 năm trưởng thành và phát triển, Công ty không ngừng lớn mạnh về quy mô và tổ chức, đã và đang không ngừng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng quốc. Công ty đảm nhận công tác xây lắp điện nước phục vụ thi công và sinh hoạt cho

nhiều công trường xây dựng thủy điện, tài rừng trên khắp vùng miền đất nước. Trong quá trình hoạt động và trưởng thành, phát triển, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã được Đảng và Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ số 3: Cơ cấu tổ chức Công ty

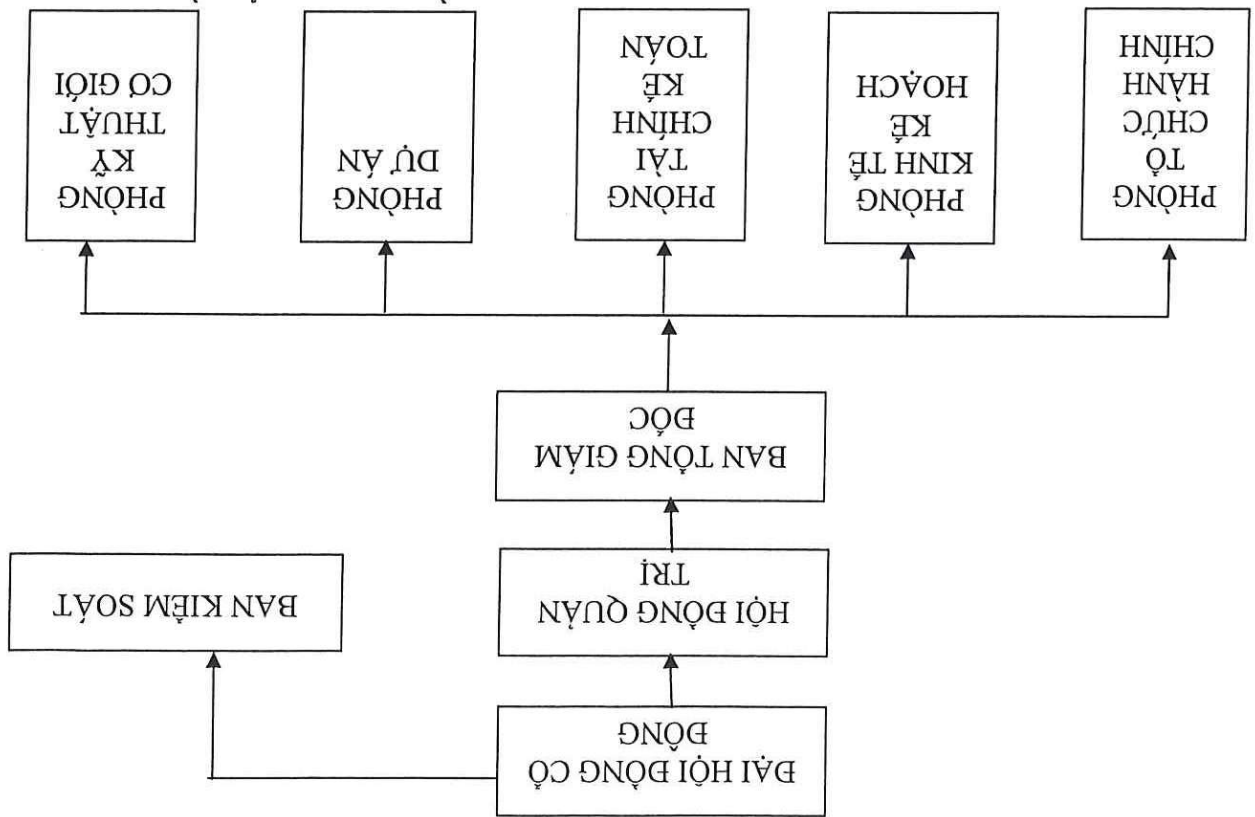


Công ty cổ phần Sông Đà 11 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ số 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần Sông Đà 11, có quyền và nhiệm vụ:

- Thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban Kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Mức cổ tức hàng năm; Lựa chọn công ty kiểm toán; Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát; Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề

liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCB.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 11 bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC; Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán; Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, hàng quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và đề trình lên Đại hội đồng cổ đông;

Quyền và nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc điều hành.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các Phó Tổng Giám đốc.

Quyền và nghĩa vụ khác của Tổng Giám đốc do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3.5. Phòng Tổ chức Hành chính

- Là đầu mối trực tiếp truyền đạt chỉ đạo chung của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tới các phòng ban, đơn vị, đối trực thuộc Công ty, và chiếu hướng ngược lại;

- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ công văn, tài liệu, hồ sơ cần bộ công nhân viên và công tác hành chính phục vụ công tác quản lý, sản xuất kinh doanh;

- Thay mặt Tổng Giám đốc Công ty giám sát việc tuân thủ quy tắc, nội quy làm việc tại văn phòng Công ty, các quy chế, quy định liên quan đến các lĩnh vực phòng phụ trách hoặc tham gia phụ trách;

- Quản lý nhà cửa, mua sắm và quản lý trang bị văn phòng, xe con phục vụ trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại cơ quan Công ty;

- Công tác tổ chức và công tác cán bộ, công tác đào tạo;
- Công tác BHXH và giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động, công tác thi đua khen thưởng.

3.6. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

- Tham mưu, thực hiện, giám sát, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến công tác kinh tế, kế hoạch và công tác cung ứng vật tư cơ giới;
- Kiểm soát giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, rà soát với chủ đầu tư và các đơn vị liên quan, lưu trữ hồ sơ;
- Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch phát triển các tuyến mới, phát triển các dịch vụ trên cơ sở kinh doanh hiện tại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của Công ty;

- Nghiên cứu, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn;
- Quản lý thực hiện các loại định mức như định mức lao động, định mức đơn giá tiền lương, các chế độ phụ cấp hiện hành; đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu phụ tùng vật tư, nhiên liệu theo yêu cầu của công tác sản xuất, phục vụ công tác sửa chữa xe máy, thiết bị trên cơ sở kế hoạch được HĐQT, Tổng Giám đốc phê duyệt;
- Tổ chức nghiệm thu thu hồi vốn tại các công trình.

3.7. Phòng Tài chính kế toán

- Tổ chức bộ máy tài chính, kế toán, tin dụng. Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của nhà nước và của công ty.

3.8. Phòng Dự án

- Tìm kiếm, phát triển thị trường và tiếp thị đầu thầu các công trình trong phạm vi ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- Lập và trình duyệt các dự án đầu tư của Công ty;
- Tham mưu, giúp việc HĐQT và Ban TGD trong công tác đầu tư của toàn công ty, bao gồm cả đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư nâng cao năng lực thi công;
- Tư vấn, giúp việc ban lãnh đạo công ty thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

3.9. Phòng Kỹ thuật Cơ giới

- Tham mưu, giám sát, thực hiện, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động, quản lý tiếp thị các dự án và công tác Quản lý cơ giới;
- Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị và tài sản của Công ty, đảm bảo cung ứng kịp thời các nhu cầu vật tư, phụ tùng thiết yếu nhằm đáp ứng yêu cầu công tác sản xuất, công tác phục hồi và sửa chữa xe máy;

- Kiểm soát tiến độ, chất lượng, khối lượng, giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; rà soát, lưu trữ hồ sơ hoàn công các công trình; giúp lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, báo cáo cơ hội đầu tư, quản lý các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào vận hành, khai thác, sử dụng;
- Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các yêu cầu của công tác an toàn về sinh lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty;
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác quản lý cơ giới, thiết bị và thanh lý xe máy.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại ngày 20/9/2018.

4.1.1. Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty.

Bảng số 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

Tên cổ đông	Số ĐKSH/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Tổng cộng
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	0100105870	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đĩnh, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.103.000	26,86%	
Ông Trần Văn Ngụ	017309764	B44, TT44 khu đô thị Vân Quan, Hà Đông, Hà Nội	843.128	7,30%	
			3.946.128	34,16%	

(Nguồn: DSCB của Công ty chốt ngày 20/09/2018 do VSD cung cấp)
4.1.2. Danh sách người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 5% trở lên vốn của Công ty.

Bảng số 2: Danh sách người có liên quan của cổ đông cá nhân

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Mối quan hệ của người có liên quan
----	-------------	---------	-------------------------	------------------------	---

BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

I	Trần Văn Ngự	B44, TT44 Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	843.128	7,30%	
1	Đào Thị Rý	Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Nam Định	0	0	Mẹ đẻ
2	Trần Thị Nhi	Nghĩa Thành, Nghĩa Hưng, Nam Định	0	0	Chị ruột
3	Trần Văn Bông	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Em ruột
4	Trần Thị Nguyệt	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Vợ
5	Trần Đức Minh	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con trai
6	Trần Đức Dũng	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con trai
7	Trần Đức Trí	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con trai
8	Trần Thị Phương Anh	B44, TT14 KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	0	0	Con gái

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Danh sách tổ chức có liên quan của cổ đông cá nhân

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Chức vụ nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần
1	Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03, Vĩ trí 24, Khu đô thị Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	Thành viên HĐQT	0%
2	Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội	Tầng 15 tháp A, Tòa nhà HH4 Mỹ Đình Sông Đà, Hà Nội	Thành viên HĐQT	0%

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

		Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội		
3	Công ty cổ phần Thủy điện To Bường	Ban Tín Túc, xã Từ Nang, huyện Yên Châu, Sơn La	HBQT	Thành viên
4	Công ty cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, Yên Thế, TP. Pleiku, Gia Lai	HBQT	Chủ tịch
5	Công ty cổ phần Dầu tư điện mặt trời	Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	HBQT	Thành viên

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Bảng số 3: Danh sách thành viên HBQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

I	Thành viên HBQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu tại SJE
1	Hồ Văn Dũng	Chủ tịch HBQT	0%
2	Trần Văn Tuấn	Thành viên HBQT	0%
3	Nguyễn Văn Tùng	Thành viên HBQT	0%
4	Phạm Văn Quân	Thành viên HBQT	0%
5	Đảng Quốc Bảo	Thành viên HBQT	0%
II	Ban TGD Điều hành		
1	Trần Văn Tuấn	Thành viên HBQT - Tổng giám đốc	0%
2	Phạm Đức Thành	Phó Tổng giám đốc	0%
3	Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc	4,32%
4	Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng giám đốc	0%
5	Vũ Đức Quang	Kế toán trưởng	0%
III	Ban kiểm soát		
1	Phạm Văn Việt	Kiểm soát viên	0%
2	Nguyễn Văn Thăng	Kiểm soát viên	0%
3	Trần Thị Mỹ Hào	Kiểm soát viên	0%

(Nguồn: Tổng công ty Sông Đà - CTCP)
 Danh sách các Công ty con, công ty góp vốn của Tổng công ty Sông Đà - CTCP

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của TCT
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	77,65%
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3 tòa nhà hỗn hợp TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội	63,82%
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	63,3%
4	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10-11, khu B, tòa nhà HH4 Sông Đà Holding, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội	62,8%
5	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Tiểu khu 5, Thị trấn It Ong, huyện Mường La, Tỉnh Sơn La	58,58%
6	Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tòa nhà TM - Khu ĐTM Văn Khê, P.La Khê, Q.Hà Đông, TP. Hà Nội	55,61%
7	Công ty Cổ phần Sông Đà 3	105 Phạm Văn Đồng, Phường Thông Nhát, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	51,84%
8	CTCP Dầu từ phát triển điện Sê San 3A	Số 96 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	51%
9	CTCP PCCC & BTXD Sông Đà	Phòng 506, Tòa nhà CT1 – VIMECO, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	51%
10	Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Don	Ấp Thanh Thủy, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	50,96%
11	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucin	Tầng 5 - Nhà G10 - 493 Nguyễn Trãi Thanh Xuân Nam - Thanh Xuân - Hà Nội	50%
12	Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Tầng 8 khối A, tòa nhà sông Đà, đường Phạm Hùng, P. Mỹ Đình I, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	49%
13	Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	Lô A38 khu dịch vụ Đông Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố HN	47,87%
14	CTCP Điện Việt - Lào	Tầng 9 Tháp B Tòa nhà HH4 - Đường Phạm Hùng - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội	44,77%
15	Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Tây	39,71%
16	Công ty CP Phát triển nhà Khánh Hòa	03 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang, Khánh Hòa	36%
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9 số 495 – Đường Nguyễn Trãi - Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.	35,6%

(Nguồn: DSCD của Công ty chốt ngày 20/09/2018 do VSD cung cấp)

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	825	11.473.150	99,31%
I	Cổ đông tổ chức	19	3.104.029	26,87%
2	Cổ đông cá nhân	806	8.369.121	72,44%
II	Cổ đông nước ngoài	17	79.955	0,69%
I	Cổ đông tổ chức	01	20	0,00%
2	Cổ đông cá nhân	16	79.935	0,69%
III	Cổ phiếu quỹ	00	00	0,00%
	Tổng cộng	842	11.553.105	100%

Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm ngày 20/9/2018

4.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 20/9/2018

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
I	Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	3.103.000	26,86%

Bảng số 4: Danh sách cổ đông sáng lập

đồng sáng lập của Công ty có 01 cổ đông, chi tiết như sau:

Theo điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 11, danh sách cổ

4.2. Cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu cổ phần

(Nguồn: Tổng công ty Sông Đà - CTCP)

18	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà SUDICO, Đường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.	33,39%
19	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Tầng 7 Tòa nhà Hôn hợp Sông Đà Hà Đông - Đường Trần Phú - Hà Đông - Hà Nội	26,86%
20	CTCP Đầu tư phát triển Phú Riêng - Kratie	Huyện Phú Riêng – Tỉnh Bình Phước	25%

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sông Đà 11
- 5.1. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có
- 5.2. Công ty con, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối
- 5.2.1 Công ty con

a) Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long

- Trụ sở: Nhà BT03 - VT24 - Khu đô thị Xa La - Phường Phúc La - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội.

- Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF đã đầu tư số tiền 47.381.773.480 đồng, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long.

b) Công ty cổ phần Thủy điện To Bường

- Trụ sở: Bản Tin Tộc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF nắm giữ 5.600.000 cổ phiếu, tương ứng 70% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện To Bường.

c) Công ty cổ phần Thủy Điện Bát Đại Sơn

- Trụ sở: Số 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF nắm giữ 3.548.576 cổ phiếu, tương ứng 56,71% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn.

d) Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Đoa

- Trụ sở: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư các công trình thủy điện; nhiệt điện; sản xuất truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJF nắm giữ 5.407.590 cổ phiếu, tương đương 65,10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Đoa.

e) Công ty cổ phần Thủy điện Đăk Glei

- Trụ sở: Làng Đăk Nhoong, xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum

- Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; sản xuất truyền tải và phân phối điện.
- Đến ngày 30/9/2018, SJE nắm giữ 70,4% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Đắk Glei

f) Công ty cổ phần Đầu tư Điện mặt trời

- Trụ sở: Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Đến ngày 30/9/2018, SJE nắm giữ 2.311.000 cổ phiếu, tương đương với 94,5% vốn thực góp của Công ty cổ phần Đầu tư điện Mặt trời

5.2.2 Các chi nhánh

a) Chi nhánh Sông Đà 11.1

- Trụ sở: Xã Ít ong - huyện Mường La - tỉnh Sơn La.
- Điện thoại: 0231 388 4658. - Fax: 0231 388 6656.

b) Chi nhánh Sông Đà 11.5

- Trụ sở: Phường Hà Khánh - TP. Hà Long - Tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: 033 626 745. - Fax: 033 625 352.
- VPBD tại Hà Nội: Nhà B42 - TT14 - Khu đô thị Văn Quán - Văn Quán - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội.

- Điện thoại: 04 6293 3996. - Fax: 04 3354 7788.

c) Chi nhánh Sông Đà 11 tại Miền Nam

- Trụ sở: Lô 74 - 76C, KP 3 - Phường Long Bình Tân - TP Biên Hoà - Đồng Nai
- Điện thoại: (84) 0616606133 - Fax: (84) 0616291347

d) Nhà máy Thủy điện Thác Trảng:

- Trụ sở: Xã Nà Nhàn - Huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 0230 392 3008. - Fax: 0230 392 3006

5.3. Danh sách công ty liên kết: Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, Công ty ngày càng phát triển mạnh hơn và đã triển khai nhiều dự án lớn. Để đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của mình, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã tăng vốn điều lệ 3 lần từ số vốn ban đầu 20.000.000 đồng lên 115.531.050.000 đồng như ngày hôm nay. Chi tiết lần tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng số 6: Tổng hợp quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị: đồng

Thời gian	Vốn DL trước phát hành thêm	Vốn DL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Giai đoạn 1/1/2007 đến 23/10/2007	20.000.000.000	50.000.000.000	Phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu, SLCP chào bán 1.500.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu; Phát hành cổ phiếu bán ra công chúng theo hình thức đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. SLCP chào bán 1.500.000 cổ phiếu.	- Nghị quyết số 01/NQ-BHCBĐ ngày 29/3/2007 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2006 Công ty cổ phần Sông Đà 11; - Quyết định số 58/SDD11-HBQT ngày 24/5/2007 về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần; - Quyết định số 121/UBCK-BKCB ngày 5/7/2007 của Chủ tịch UBNDNN Cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty cổ phần Sông Đà 11; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 ngày 18/10/2007
1/7/2010 đến 10/11/2010	50.000.000.000	79.968.970.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, SLCP phát hành 2.197.756 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 đồng/CP Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, SLCP phát hành 799.141 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/CP	- Nghị quyết số 01/NQ-BHCBĐ ngày 21/4/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 11 thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sông Đà 11 từ 50.000.000.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng - Quyết định số 26/QĐ-SDD11-HBQT ngày 20/6/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 11 về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

11 Tháng Long; - Quyết định số 38/GCN-UBCK ngày 3/9/2013 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cho Công ty cổ phần Sông Đà 11				
---	--	--	--	--

Lần 1: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức bán đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Vốn điều lệ ban đầu: 20.000.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 30.000.000.000 đồng (tương đương 3.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Về phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu
 - Số lượng cổ phiếu: 1.500.000 cổ phiếu
 - Giá phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
 - Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Về phát hành cổ phiếu bán ra công chúng theo hình thức đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Số lượng cổ phiếu: 1.500.000 cổ phiếu
- Giá khởi điểm: 30.000 đồng/cổ phiếu
- Giá đầu thành công bình quân: 30.011 đồng/cổ phiếu
- Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000212 ngày 18/10/2007 với số vốn điều lệ 50 tỷ đồng

Lần 2: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tăng vốn từ 50.000.000.000 đồng lên 79.968.970.000 đồng

- Vốn điều lệ trước đợt phát hành: 50.000.000.000 đồng (tương đương 5.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 29.968.970.000 đồng (tương đương 2.996.897 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Kết thúc đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, số lượng và loại cổ phiếu đến thời điểm 10/11/2010 là:
 - Tổng số cổ phiếu: 7.996.897 cổ phiếu
 - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Giá trị cổ phiếu: 79.968.970.000 VNĐ

<p>- Quyết định số 633/UBCK-GCN ngày 10/8/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng;</p> <p>- Quyết định số 68/SD11-HBQT ngày 5/11/2010 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 về việc phê duyệt phương án xử lý cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không hết.</p>	<p>- Nghị quyết số 01/NQ-BHBCĐ ngày 24/6/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Sông Đà 11 thông qua phương án sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu;</p> <p>- Nghị quyết số 37 và số 58 NQ/HBQT ngày 22/7/2013 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11 về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng theo phương thức hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11;</p> <p>- Hợp đồng sáp nhập 5/7/2013 giữa Công ty cổ phần Sông Đà 11 và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11;</p> <p>- Hợp đồng sáp nhập 22/7/2013 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và Công ty cổ phần Sông Đà 11 và Công ty cổ phần Sông Đà 11 và Công ty cổ phần Sông Đà 11</p>
	<p>Phát hành cổ phiếu tăng vốn</p>
	<p>điều lệ theo hình thức hoán đổi cổ phiếu</p>
<p>115.531.050.000</p>	<p>79.968.970.000</p>
	<p>3/9/2013 đến 11/10/2013</p>
	<p>13</p>

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Dựa theo Báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu từ ngày 01/7/2010 đến ngày 30/09/2010 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Hà Nội, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành của Công ty như sau:
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 11 về việc kế hoạch sử dụng vốn từ đợt phát hành cổ phiếu từ 50.000.000.000 VND lên 79.968.970.000 VND như sau:
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần thủy điện To Bùng: 3 tỷ đồng;
- Đầu tư dự án năng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010: 7 tỷ đồng;
- Đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Vĩnh Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai: 20 tỷ đồng.
- Căn cứ vào tình hình thực tế, tiến độ đầu tư, số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu từ 50.000.000.000 VND lên 79.968.970.000 VND, Công ty đã sử dụng vốn như sau:

STT	Tên dự án	Thực tế	Phương án
1.	Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần thủy điện To Bùng	4.700.000.000	3.000.000.000
2.	Đầu tư dự án năng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010	7.323.810.479	7.000.000.000
3.	Đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Vĩnh Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai(*)		20.000.000.000
4.	Thanh toán, tạm ứng tiền hàng cho nhà cung cấp(*)	20.080.972.049	
Cộng		32.104.782.528	30.000.000.000
	Sử dụng nguồn vốn điều lệ	29.968.970.000	
	Chênh lệch	2.135.812.528	

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu từ ngày 01/7/2010 đến ngày 30/09/2010 của Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Trong đó, phần chênh lệch được lấy từ nguồn vốn khác của Công ty.

(*) Theo Quyết định 197/QĐ-HĐQT ngày 19 tháng 7 năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 11 thông nhất sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu năm 2010 còn lại (khoảng 20.000.000.000 VND, số tiền theo kế hoạch đầu tư vào dự án khu dân cư Vĩnh Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai) bổ sung vào nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013 của Công ty.

Y kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 79.968.970.000 VND của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và phù hợp với cơ sở lập Báo cáo như trình bày tại thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn."

Cơ sở kế toán:

"Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý đến thuyết minh số II.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn về cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Báo cáo này chỉ được sử dụng để tổng hợp tình hình sử dụng vốn của Công ty, không mở rộng ra cho toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty và được lập để giúp Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác."

Lần 3: Chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương thức hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11

- Vốn điều lệ trước đợt phát hành: 79.968.970.000 đồng (tương đương 7.996.897 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 35.562.080.000 đồng (tương đương 3.556.208 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Phương thức phân phối cổ phiếu

Phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi cổ phần của Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long (SEL) và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 (SINCO) theo phương án được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/6/2013 của Công ty cổ phần Sông Đà 11. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 3.556.208 cổ phiếu. Trong đó:

- Phát hành 2.880.000 cổ phiếu để hoán đổi 3.200.000 cổ phiếu của SEL
- Phát hành 676.208 cổ phiếu để hoán đổi 1.040.320 cổ phiếu của SINCO

- Phương thức hiện phân phối cổ phiếu:

- Tỷ lệ hoàn đổi cổ phiếu SJE và SEL là 0,9:1 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu SEL được nhận 90 cổ phiếu SJE)
 - Tỷ lệ hoàn đổi cổ phiếu SJE và SINCO là 0,65:1 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu SINCO được nhận 65 cổ phiếu SJE)
- Đổi tượng thực hiện:
- Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách của SEL và SINCO để hưởng quyền hoàn đổi cổ phiếu để lấy cổ phiếu của SJE.
 - Cổ đông SEL đã lưu ký sẽ nhận cổ phiếu SJE tại thành viên lưu ký.
 - Cổ đông SINCO và cổ đông của SEL chưa lưu ký sẽ nhận giấy chứng nhận sở hữu cổ phần SJE tại trụ sở chính của SEL và SINCO (kèm theo chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần)

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

7.1.1. Sản phẩm, dịch vụ:

Hoạt động kinh doanh của SJE hiện đang tập trung vào 03 lĩnh vực chính (xây lắp, đầu tư dự án thủy điện, kinh doanh điện), trong đó đóng góp chủ yếu vào tổng doanh thu hiện tại là mảng xây lắp (xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, xây dựng công hệ thống cấp và thoát nước, xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, hạ tầng kỹ thuật). Hoạt động này đóng góp khoảng 80% tổng doanh thu cho Công ty. Địa bàn hoạt động của Công ty trải dài khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam. Ngoài ra, Công ty còn đạt được những thành công nhất định khi mở rộng các dự án xây lắp sang nước bạn Lào.

Định hướng trong dài hạn của SJE sẽ tập trung vào 02 mảng kinh doanh chính trong đó xây lắp vẫn giữ vai trò chủ đạo chiếm khoảng 60%, kinh doanh điện thương phẩm 30% và các hoạt động kinh doanh khác chiếm 10%.

7.1.2. Các hoạt động chính của Công ty

❖ Hoạt động xây lắp

Xây lắp là hoạt động truyền thống của SJE đóng góp khoảng 70-80% tổng doanh thu. Tiền thân của SJE là Đội điện nước thuộc Công ty xây dựng thủy điện Thác Bà, với hơn 55 năm kinh nghiệm, cùng với đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề có trình độ cao. Hiện nay, Công ty cổ phần Sông Đà 11 được đánh giá là một trong những đơn vị có năng lực thi công hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng đường dây truyền tải điện, trạm biến áp cấp điện áp 500KV; xây dựng hệ thống cấp và thoát nước. Công tác đầu thầu, lắp dự toản thi công được thực hiện bài bản nên công ty có khả năng cạnh tranh và trung thầu nhiều công trình trọng điểm và hiệu quả của các Chủ đầu tư như EVN,

VNPT, và các đường dây truyền tải điện của các Nhà máy thủy điện,...

Ngoài ra, SJE còn có khả năng đảm nhận vai trò Tổng thầu xây lắp đối với các công trình thủy điện vừa và nhỏ. Các công trình tiêu biểu mà SJE đã và đang tham gia như thi công BZ 500KV Long Phú - Ô Môn, BZ 220KV Long Phú - Sóc Trăng, BZ 110KV Phong Thổ - Thanh Uyên, BZ 220KV đầu nối Nhà máy Thủy điện Nho Quế 1, BZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, BZ 110KV Bến Lức - Long Thành; hoàn thành tiến độ đưa vào đóng điện công trình BZ220KV Trục Ninh cắt BZ220KV Ninh Bình - Nam Định, BZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, BZ 110KV Nho Quế 1, BZ 500KV Long Phú - Ô Môn, BZ 220KV Long Phú - Sóc Trăng, BZ 110KV Phong Thổ - Thanh Uyên, BZ 110KV Bến Lức - Long Thành. Quyết toán xong công trình BZ220KV Trục Ninh cắt BZ220KV Ninh Bình - Nam Định, BZ 220KV Phan Thiết - Phú Mỹ 2, BZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, BZ 110KV Nho Quế 1. Hiện, Công ty đang vận hành và khai thác tốt một số nhà máy thủy điện với tổng công suất trên 30MW.

❖ **Hoạt động kinh doanh điện**

Kinh doanh điện là một trong hai lĩnh vực hoạt động chính của SJE mang lại doanh thu cho Công ty. Theo định hướng dài hạn của công ty, mảng kinh doanh điện sẽ đóng góp 30% tổng doanh thu. Hiện nay, nhằm phát triển mạnh hơn vào lĩnh vực này, Công ty đã và đang đầu tư vào các Công ty con và các chi nhánh chuyên về sản xuất, truyền tải và phân phối điện như: Công ty cổ phần Thủy điện To Bùng, Công ty cổ phần Thủy điện Đak Đoa, Công ty cổ phần Thủy điện Bat Dai Son, Nhà máy Thủy điện Thác Trảng, ... Niềm vui lớn của Công ty trong năm 2017, Nhà máy Thủy điện Đông Khưa đã hòa vào lưới điện quốc gia tháng 11/2017, đây là dự án tăng giá trị đầu tư. Công ty cổ phần Thủy điện ĐakGlei là chủ đầu tư dự án thủy điện Đak Pru 1 đang trong giai đoạn lắp máy, chuẩn bị phát điện thương mại vào tháng 11/2018. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến đầu tư vào dự án Nhà máy Điện mặt trời Phong Phú để tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh điện, mang lại lợi nhuận, hiệu quả và tạo ra dòng tiền đều cho Công ty.

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện hợp tác khai thác, sản xuất và kinh doanh đã xây dựng đối với mỏ đá Suối Nậy. Công ty đã phối hợp với Cty TNHH Xây dựng và Thương mại Nghĩa Tân. Bước đầu đã nâng cao được sản lượng khai thác và hiệu quả của dự án.

7.1.3. Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm:

❖ **Cơ cấu Tổng doanh thu của Công ty**

Bảng số 7: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty mẹ

TT	Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%

Đơn vị: đồng

		TDT		TDT		TDT		TDT
1	Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	759.606.719.610	95,92	455.467.928.915	89,20	365.769.640.792	94,55	
1.1	Doanh thu bán điện thương phẩm	26.144.345.877	3,30	25.861.160.202	5,06	17.512.912.543	4,53	
1.2	Doanh thu hợp đồng xây dựng	710.415.997.375	89,70	406.105.656.008	79,53	308.880.474.124	79,84	
1.3	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	23.046.376.358	2,91	23.501.112.705	4,60	39.376.254.125	10,18	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	20.161.340.124	2,55	14.142.826.096	2,77	13.873.657.693	3,59	
3	Thu nhập khác	12.189.986.424	1,54	41.006.456.880	8,03	7.223.030.386	1,87	
I	Tổng cộng doanh thu	791.958.046.158	100,00	510.617.211.891	100,00	386.866.328.871	100,00	
II	Tổng chi phí	733.074.778.532	92,56	438.508.401.065	85,88	353.096.881.897	91,27	
I	Giá vốn hàng bán	675.446.671.884	85,29	368.905.571.698	72,25	312.030.469.237	80,66	
2	Chi phí tài chính	6.055.082.527	0,76	9.581.984.998	1,88	10.792.300.521	2,79	
3	Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0	0,00	
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.346.867.899	6,23	40.975.149.171	8,02	29.734.455.387	7,69	
5	Chi phí khác	2.226.156.222	0,28	19.045.695.198	3,73	539.656.752	0,14	
III	Lợi nhuận							
1	Lợi nhuận trước thuế	58.883.267.626	7,44	72.108.810.826	14,12	33.769.446.974	8,73	
2	Lợi nhuận sau thuế	51.572.648.062	6,51	60.185.109.585	11,79	28.489.894.992	7,36	

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 công ty mẹ)
Bảng số 8: Cơ cấu Tổng doanh thu của công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
		Giá trị	TDT %	Giá trị	TDT %	Giá trị	TDT %
1	Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	968.875.469.382	97,11	702.425.437.114	92,64	371.833.669.327	97,53
1.1	Doanh thu bán hàng hóa	2.517.722.035	0,25	265.480.500	0,04	0	0,00
1.2	Doanh thu bán điện thương phẩm	108.367.022.524	10,86	139.027.632.650	18,33	108.730.851.926	28,52

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Doanh thu của Công ty có sự biến động tùy thuộc vào sự ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là nguồn đem lại doanh thu chính cho Công ty trong giai đoạn 2016-2017 và 9 tháng đầu năm 2018. Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty năm 2016 đạt 759,6 tỷ, chiếm 95,92% tổng doanh thu. Doanh thu thuần hợp nhất cũng đạt 968,8 tỷ, chiếm 97,11% tổng doanh thu. Trong đó, doanh thu từ hoạt động xây lắp luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu. Năm 2016, doanh thu từ hoạt động xây lắp của công ty đạt 710,4 tỷ, chiếm 89,70% tổng doanh thu. Doanh thu xây lắp hợp nhất đạt 823,4 tỷ đồng, chiếm 82,53% tổng doanh thu. Năm 2017, doanh thu hoạt động xây lắp của công ty có sự sụt giảm mạnh so với năm trước đó, xuống còn 406,1 tỷ. Doanh thu hoạt động xây lắp hợp nhất cũng giảm xuống giảm xuống còn 539,3 tỷ, chiếm 71,13% tổng doanh thu. Mảng kinh doanh truyền thông của Công ty có sự sụt giảm trong doanh thu do gặp phải những khó khăn chung của ngành điện trong năm 2017, thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt khiến công tác đầu tư gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ trung thầu thấp. Sự sụt giảm doanh thu của hoạt động chính cũng khiến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018)

2	Lợi nhuận sau thuế	37.764.286.077	3,78	84.864.472.934	11,19	26.812.230.178	7,03
1	Lợi nhuận trước thuế	45.213.670.518	4,53	100.482.095.104	13,25	28.633.730.925	7,51
III	Lợi nhuận						
5	Chi phí khác	4.107.381.367	0,41	22.120.483.873	2,92	1.609.342.290	0,42
4	Chi phí QLDN	82.712.018.643	8,29	61.253.840.420	8,08	44.979.414.024	11,80
3	Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0	0,00
2	Chi phí tài chính	42.022.599.544	4,21	48.608.685.133	6,41	37.104.893.279	9,73
1	Giá vốn hàng bán	823.615.519.481	82,55	525.801.059.626	69,34	268.934.562.380	70,54
II	Tổng chi phí	952.457.519.035	95,47	657.784.069.052	86,75	352.628.211.973	92,49
I	Tổng cộng doanh thu	997.671.189.553	100	758.266.164.156	100	381.261.942.898	100
3	Thu nhập khác	26.060.412.973	2,61	48.970.079.608	6,46	7.258.121.295	1,90
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.735.307.198	0,27	6.870.647.434	0,91	2.170.152.276	0,57
1.4	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	34.579.755.583	3,47	23.804.171.028	3,14	19.805.656.725	5,19
1.3	Doanh thu hoạt động xây dựng	823.410.969.240	82,53	539.328.152.936	71,13	243.297.160.676	63,81

2017 của công ty mẹ chỉ đạt 455,4 tỷ đồng, giảm khoảng 43% so với năm trước. Đối mặt với những khó khăn trên diện diện trong năm 2017, Công ty vẫn tăng cường hoạt động đầu tư kinh doanh điện thương phẩm nên doanh thu từ hoạt động này tuy không có sự tăng trưởng về giá trị nhưng có xu hướng chiếm tỷ trọng cao hơn cơ cấu doanh thu. Năm 2017, Doanh thu từ hoạt động bán điện thương phẩm của công ty mẹ đạt 25,8 tỷ đồng, chiếm 5,06% tổng doanh thu, cao hơn so với mức 3,30% của năm 2016. Doanh thu hợp nhất của hoạt động này cũng đạt 139 tỷ đồng, chiếm 18,33% tổng doanh thu của.

Tuy có sự sụt giảm đáng kể về doanh thu của Công ty trong năm 2017 so với 2016, nhưng lợi nhuận sau thuế có xu hướng tăng lên rõ rệt. Tổng doanh thu của công ty mẹ năm 2016 cao gấp 1,55 lần so với năm 2017 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2017 đạt 60.185.109.585 đồng, gấp 1,17 lần so với năm 2016. Điều này cho thấy những nỗ lực trong việc quản lý các loại chi phí, tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

9 tháng đầu năm 2018, Tổng doanh thu của Công ty mẹ đạt 386.866.328.871 đồng, tổng doanh thu hợp nhất đạt 381.261.942.898 đồng. Trong đó, nguồn thu từ hoạt động xây lắp vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Doanh thu hợp nhất từ hoạt động bán điện thương phẩm chiếm 28,52% tổng doanh thu. Trong khi đó, con số này tại thời điểm 31/12/2017 đạt 18,33%. Đây là một nỗ lực rất lớn của Công ty trong công tác phát triển, mở rộng thị trường cung ứng sản phẩm, tăng cường năng lực cạnh tranh, năng lực tài chính, đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển mạnh lĩnh vực kinh doanh điện của mình.

Doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu trong giai đoạn 2016-2017 và 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của Công ty.

Trong giai đoạn 2016-2017, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án sau:

- Đầu tư năng cao năng lực thi công: Đầu tư máy móc, thiết bị kéo dây đồng bộ và hiện đại, nhằm nâng cao năng suất lao động và làm chủ tiến độ các công trình;
- Góp vốn vào Công ty cổ phần thủy điện Đăk Glai để đầu tư xây dựng dự án thủy điện Đăk Pru 1 (công suất 7MW) tại tỉnh Kon Tum;
- Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư Điện Mặt Trời để thực hiện dự án Nhà máy điện mặt trời Phong Phú (công suất 42MWp) tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

7.3. Nguyên vật liệu

7.3.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản và quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Nguồn nguyên liệu của Công ty được sử dụng chủ yếu từ cát, đá, phụ gia bê tông,....

Đội tác cung cấp và đánh giá sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu: Một số nhà cung cấp thường xuyên của Công ty:

Bảng số 9: Các nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty

Thông tin nhà cung cấp	Trụ sở chính
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và Cơ khí Bình Dương	Thôn Lương Nổ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
Công ty cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Lô A38 - Khu Dịch vụ Đông Dưa - P. Hà Cầu - Q. Hà Đông - TP. Hà Nội
Công ty cổ phần Thành Long	Số 763 - Ngõ gia tự - Đức Giang - Long biên - Hà Nội
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khánh Hưng	Số 8 TT2B khu DT Văn quán, Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Hà Nội
Công ty TNHH Hưng Hiệp	Số 55, Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội
Công ty cổ phần Tập đoàn Hanaka Việt Nam	Từ Sơn, Bắc Ninh
Công ty TNHH Cấp điện lực Kevil	Số 116 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Công ty cổ phần Monotech Việt Nam	Số 126A, đường Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Công ty TNHH Nhất Nước	Phòng 4.4, Tòa nhà Vimeco, Lô E9, Đường Phạm Hùng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Y thức được tầm quan trọng của sự ổn định của nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây lắp, vì vậy Công ty luôn chủ động tìm kiếm và quản lý các nguồn cung cấp nguyên vật liệu. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty là những doanh nghiệp có uy tín lâu năm trên thị trường. Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên vật liệu cần sử dụng, tập hợp đánh giá khả năng cung cấp sản phẩm của các nhà cung ứng, lựa chọn nhà cung ứng phù hợp và thực hiện việc ký hợp đồng và kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp được thực hiện thường xuyên, phù hợp với

từng dự án đảm bảo nguyên vật liệu được cung cấp ổn định, đầy đủ, đạt yêu cầu về chất lượng, đặc tính kỹ thuật, có chứng chỉ xuất xứ hàng hoá rõ ràng. Công ty thực hiện việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, giúp họ an tâm thực hiện cung cấp theo đúng hợp đồng đã ký kết.

7.3.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Đối với doanh nghiệp xây lắp, biến động giá nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc tới kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi giá vật liệu tăng thì giá vốn hàng bán tăng ngay trong khi việc điều chỉnh dự toán xây dựng công trình, điều chỉnh giá gói thầu với chủ đầu tư được thực hiện sau. Dẫn đến lợi nhuận biên của doanh nghiệp giảm xuống. Tuy nhiên, đối với công ty việc biến động giá của nguyên vật liệu ít tác động đến do nguồn cung cấp nguyên vật liệu của công ty ổn định, đối tác cung cấp là những doanh nghiệp lớn và có uy tín trên thị trường. Ngoài ra, khi thực hiện hợp đồng, công ty thường tính toán một lượng nguyên vật liệu và ký hợp đồng với đối tác cung cấp nhằm giảm thiểu tác động của biến động giá nguyên nhiên vật liệu. Bên cạnh đó, đối tác cung cấp của công ty cũng có sự thay đổi theo từng thời kỳ, địa điểm thực hiện công trình, dự án của công ty, công ty có nhiều sự lựa chọn nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

7.4. Chi phí sản xuất

Bảng số 10: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
	Gia trị	%	Gia trị	%	Gia trị	%
Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.346.867.899	6,23	40.975.149.171	8,02	29.734.455.387	7,69
Chi phí khác	2.226.156.222	0,28	19.045.695.198	3,73	539.656.752	0,14
Tổng chi phí	733.074.778.532	92,56	438.508.401.065	85,88	353.096.881.897	91,27
Gia vốn hàng bán	675.446.671.884	85,29	368.905.571.698	72,25	312.030.469.237	80,66
Chi phí tài chính	6.055.082.527	0,76	9.581.984.998	1,88	10.792.300.521	2,79
Chi phí bán hàng	0	0,00	0	0,00	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.346.867.899	6,23	40.975.149.171	8,02	29.734.455.387	7,69
Chi phí khác	2.226.156.222	0,28	19.045.695.198	3,73	539.656.752	0,14
Tổng chi phí	733.074.778.532	92,56	438.508.401.065	85,88	353.096.881.897	91,27

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018)

Bảng số 11: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty (Hợp nhất)

Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017		9 tháng đầu năm 2018	
	Gia trị	%	Gia trị	%	Gia trị	%
Chi phí bán hàng	823.615.519.481	82,55	525.801.059.626	69,34	268.934.562.380	70,54
Chi phí quản lý doanh nghiệp	0	0	0	0	0	0
Chi phí khác	0	0	0	0	0	0
Tổng chi phí	823.615.519.481	82,55	525.801.059.626	69,34	268.934.562.380	70,54

Chi phí tài chính	42.022.599.544	4,21	48.608.685.133	6,41	37.104.893.279	9,73
Chi phí quản lý doanh nghiệp	82.712.018.643	8,29	61.253.840.420	8,08	44.979.414.024	11,80
Chi phí khác	4.107.381.367	0,41	22.120.483.873	2,92	1.609.342.290	0,42
Tổng chi phí	952.457.519.035	95,47	657.784.069.052	86,75	352.628.211.973	92,49

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018)

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty là lĩnh vực xây lắp nên tổng chi phí hoạt động của công ty vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của công ty, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Theo số liệu báo cáo hợp nhất của Công ty, năm 2016, tỷ lệ tổng chi phí so với tổng doanh thu là 95,47%. Năm 2017, tổng chi phí chiếm 86,75% tổng doanh thu, giảm 8,72%. Trong đó, sự giảm tỷ trọng giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí chính là yếu tố góp phần quan trọng trong việc giảm chi phí hoạt động của công ty. Mặc dù vậy, do đặc thù hoạt động xây lắp, giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Công ty, bình quân khoảng 70-80% tổng chi phí của công ty.

Trong giai đoạn 2016-2017, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty mẹ có xu hướng tăng lên và chiếm tỷ trọng khoảng từ 6-8% tổng chi phí của Công ty. Trong giai đoạn này, Công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Chi phí tài chính năm 2017 theo báo cáo hợp nhất là 48.608 triệu đồng, trong đó chi phí lãi vay lên tới 41.962 triệu đồng, lớn hơn khá nhiều so với 38.270 triệu đồng năm 2016 do Công ty có phát sinh một số khoản vay lớn trong năm 2017. Số dư vay nợ ngắn hạn cuối năm 2017 giảm khoảng 99.357 triệu đồng so với cuối năm 2016. Tuy nhiên, số dư vay nợ dài hạn tăng khoảng 125.971 triệu đồng so với cuối năm 2016. Đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến chi phí tài chính năm 2017 tăng lên.

Đến 30/09/2018, Giá vốn hàng bán của công ty mẹ khoảng 312 tỷ, chiếm 80,66% tổng doanh thu, còn theo báo cáo hợp nhất khoảng 269 tỷ đồng, chiếm 70,54% tổng doanh thu. Chi phí tài chính theo báo cáo hợp nhất là 37.104.893.279 đồng, trong đó chi phí lãi vay là 35.131.412.016 đồng chiếm 94,68% chi phí tài chính. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên đáng kể, từ mức chiếm 8,08% vào cuối năm 2017 lên 11,80% vào cuối quý 3 năm 2018.

7.5. Trình độ công nghệ

Danh mục một số máy móc, thiết bị công ty đang sử dụng, bao gồm:

Bảng số 12: Danh mục máy móc thiết bị thi công của Công ty cổ phần Sông Đà 11

TT	Tên máy móc, thiết bị	Nước/ nơi sản xuất	Công suất	SP sản xuất/ thi công	Số lượng	Giá trị (trên đồng)
----	-----------------------	--------------------	-----------	-----------------------	----------	---------------------

TT	Tên máy móc, thiết bị	Nước/ nơi sản xuất	Công suất	SP sản xuất/ thi công	Số lượng	Giá trị (trệu đồng)
1	Máy nén khí VF	Trung Quốc	37kW/380v	DZ&TBA	02	220
2	Máy khoan đá	Trung Quốc	4kW/380v	DZ&TBA	01	88
3	Máy toàn đạc điện tử	Trung Quốc		DZ&TBA	01	75
4	Máy ép dầu cốt thủy lực 100 tấn	Việt Nam	100 tấn	DZ&TBA	4	580
5	Cùm bom ép 100 tấn	Việt Nam		DZ&TBA	05	725
6	Máy tời 5 tấn	Việt Nam	21,1HP-3600v/p	DZ&TBA	11	1529
7	Máy kéo ra dây 5 tấn	Việt Nam	5 tấn	DZ&TBA	02	279
8	Máy kéo ra dây 5 tấn	Việt Nam	5 tấn	DZ&TBA	01	139
9	Máy tời kéo thiết giáp 10 tấn	Việt Nam	10 tấn	DZ&TBA	3	375
10	Máy thăng thủy lực	Việt Nam		DZ&TBA	2	522
11	Máy kéo cáp lực 9 tấn	Trung Quốc	121kW/2500v/p	DZ&TBA	01	1.107
12	Máy hãm 8 tấn 2 dây	Trung Quốc	51kW-250v/p	DZ&TBA	2	2.146
13	Cần bích xoay	Việt Nam	2,9T tại R=3,7m	DZ&TBA	19	889

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

7.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Xác định mục tiêu phát triển bên vững phải đi từ yêu cầu chất lượng, Công ty quản lý chất lượng từ các giải pháp kiểm soát chất chế hệ thống tại các công trình cũng như tại các đơn vị trực thuộc; kiểm tra, kiểm soát tiến độ, hoàn thành hồ sơ chất lượng phục vụ nhiệm vụ kỹ thuật, nghiệm thu thanh toán và quyết toán các công trình.

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 vào

trong các hàng mục công việc xây lắp công trình dân dụng và công nghiệp; Khai thác và cung ứng đá dăm,.... Việc áp dụng ISO 9001 sẽ giúp cho công ty tạo được cách làm việc khoa học, sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, nâng cao năng lực tách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên.

Công tác bảo hộ và an toàn lao động đã được chú trọng, nhất là công tác an toàn điện tại các trạm bơm nước hồ móng và thi công trên cao. Ngoài ra, để đảm bảo việc vận hành các nhà máy điện đặt chất lượng, đảm bảo công suất, công ty đã kiểm tra, đón đón công tác bảo dưỡng thiết bị của Nhà máy Thủy điện Thác Trảng, Thủy điện Đắk Đoa, Thủy điện Sông Miên. Đảm bảo an toàn phát điện trong mùa mưa, đồng thời theo dõi, giải quyết các công việc liên quan đối với thiết bị các Nhà máy Thủy điện To Bùng, công tác quản lý xe máy, thiết bị phụ thuộc vụ thi công tại các đơn vị trực thuộc.

7.6.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Như đã đề cập ở trên, việc đảm bảo chất lượng và tiến độ của các hợp đồng được Công ty đặc biệt quan tâm. Việc kiểm tra chất lượng được thực hiện thông qua việc giám sát để theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện của từng dự án cũng như chất lượng công trình.

Đội ngũ cán bộ của Công ty liên tục được đào tạo bổ sung nghiệp vụ và học tập, nâng cao kiến thức chuyên sâu, trong đó, các cán bộ chủ chốt trong ban chỉ huy công trình được trang bị, đào tạo các nghiệp vụ về tư vấn giám sát, quản lý kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy,.... Ngoài ra, chất lượng dịch vụ của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi các bộ phận của Công ty mẹ, cụ thể như sau:

Đối với công tác kỹ thuật: Áp dụng quy trình bắt đầu từ công tác đầu tư, đầu thầu, triển khai thi công công trình, quản lý chất lượng, an toàn trong thi công đến khi bàn giao công trình đưa vào quản lý sử dụng.....

Đối với công tác Tổ chức - nhân sự: Áp dụng các quy trình về công tác tuyển dụng, điều động, đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên.

Công tác Kinh tế - Kế hoạch: Áp dụng cho các quy trình về ký hợp đồng, xây dựng định mức, đơn giá, đầu thầu mua sắm vật tư thiết bị.

Công tác Cơ giới - Vật tư: Áp dụng các quy trình về theo dõi điều động, sửa chữa lớn, bảo dưỡng định kỳ, thanh lý và quản lý xe máy

7.7. Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc tập trung chuyên sâu vào ngành nghề chính và tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, kỹ thuật mới, Công ty cổ phần Sông Đà 11 cũng rất coi trọng hoạt động marketing để quảng bá thương hiệu SJB đến các đối tác tiềm năng. Tuy nhiên, chính sách marketing mà Công ty lựa chọn vẫn dựa trên cơ sở đảm bảo những cam kết thực tế với khách hàng về chất lượng và tiến độ công trình.

Đề ra mục tiêu Marketing xuất phát từ mục tiêu kinh doanh của Công ty. Từ đó tập trung vào chính là nghiên cứu và phân tích thị trường để nắm được những yếu tố vĩ mô, vi mô có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm vững nhu cầu và mong muốn của khách hàng, những đối thủ cạnh tranh và những đối tượng tác động.

Triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm được tiến hành liên tục nhằm điều chỉnh các kế hoạch được sâu sát và đạt hiệu quả cao hơn.

Luôn luôn duy trì hình ảnh và mối quan hệ với khách hàng cũng giúp Công ty ngoài việc nâng cao giá trị thương hiệu cũng thu thập thêm lượng lớn thông tin phản hồi để lắp và điều chỉnh các hoạt động Marketing.

Tuy chưa thực sự đưa ra chiến lược marketing cụ thể, những năm qua Công ty cũng đã chủ trương đến việc quảng bá thương hiệu Sông Đà 11 thông qua Website công ty, Các trang báo điện tử, các buổi hội đàm, gặp gỡ trực tiếp, giao lưu với các đối tác.

7.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhân hiệu thương mại đã đăng ký bản quyền:

- Logo của Công ty:



7.9. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết
Bảng số 13: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

T	T	Hợp đồng	Thời gian ký kết HĐ	Thời gian thực hiện HĐ	Đối tác	SP cung cấp/ Công trình thực hiện	Giá trị hợp đồng (trệu đồng)
1	Hợp đồng số 36 HDXL/SPMB-SD11	26/12/2017	26/06/2019	BQL dự án các công trình điện Miền Nam	Dục Hòa và các BZ đầu nối	TBA 500kV	121.660
2	Hợp đồng số 77/EVNNPT/N	20/7/2018	20/7/2019	BQL dự án các công	Tây Hà Nội	DZ 500kV	60.826

T	T	Hợp đồng	PMB-HDXL-KTKH			Thời gian ký kết HĐ	Thời gian thực hiện HĐ	Đối tác	SP cung cấp/ Công trình thực hiện	Gia trị hợp đồng (triệu đồng)
3		Hợp đồng số 10/2018/HĐ/SO LACOM-TRINA-SONGDA11		26/07/2018	10/03/2019	Cty CP đầu tư điện mặt trời	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói nhà máy tới ngoài hàng rào trạm năng lượng		Thiệt hại, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói nhà máy tới ngoài hàng rào trạm năng lượng	164.702
4		Hợp đồng số 11/2018/HĐ/SO LACOM-SONGDA11		21/05/2018	21/01/2019	Cty CP đầu tư điện mặt trời	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói Đ Z 110kv Phong Phú – Phan Rí		Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói Đ Z 110kv Phong Phú – Phan Rí	84.722
5		Hợp đồng số 20/2018/HĐ/SO LACOM-SONGDA11		18/05/2018	18/01/2019	Cty CP đầu tư điện mặt trời	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói nhà máy		Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng trọn gói nhà máy	14.211

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất
- 8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2018
- (Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)

Bảng số 14: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng 2017/2016	9 tháng đầu năm 2018
Tổng giá trị tài sản	793.620.394.937	806.814.939.797	1,66%	877.082.586.607
Vốn chủ sở hữu	317.570.105.664	364.670.657.287	14,83%	364.884.708.779
Doanh thu thuần	795.606.719.610	455.467.928.915	-42,75%	365.769.640.792
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.160.047.726	86.562.357.217	2,85%	53.739.171.555
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.919.437.424	50.148.049.144	2,51%	27.086.073.340
Lợi nhuận khác	9.963.830.202	21.960.761.682	120,40%	6.683.373.634
Lợi nhuận trước thuế	58.883.267.626	72.108.810.826	22,46%	33.769.446.974
Lợi nhuận sau thuế	51.572.648.062	60.185.109.585	16,70%	28.489.894.992
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	23%	/	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSSH bình quân	16,62%	17,64%	/	/

(Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán 2017, BCTC tự lập công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

Bảng số 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Hợp nhất)

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng 2017/2016	9 tháng đầu năm 2018
Tổng giá trị tài sản	1.456.127.248.152	1.466.032.081.423	0,68%	1.539.800.253.505
Vốn chủ sở hữu	423.860.833.282	495.585.655.431	16,92%	487.869.127.316
Doanh thu thuần	968.875.469.382	702.425.437.114	-27,50%	371.833.669.327
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.259.949.901	176.624.377.488	21,59%	102.899.106.947
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.260.638.912	73.632.499.369	216,55%	22.984.951.920

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng trường 2017/2016	9 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận khác	21.953.031.606	26.849.595.735	22,30%	5.648.779.005
Lợi nhuận trước thuế	45.213.670.518	100.482.095.104	122,24%	28.633.730.925
Lợi nhuận sau thuế	37.764.286.077	84.864.472.934	124,72%	26.812.230.178
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	/	/	/	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quán (%)	8,98%	18,46%	/	/

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2017, BCTC tự lập hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018 của Công ty)

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Nhân tố thuận lợi

▪ Vị thế của Công ty

Công ty cổ phần Sông Đà 11 được thừa hưởng giá trị thương hiệu hàng đầu trong ngành xây dựng thủy điện Việt Nam và nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và giúp đỡ của Tổng Công ty Sông Đà – CTEP, Các chủ đầu tư, các ngân hàng, địa phương, đặc biệt là của các Ban quản lý dự án trực thuộc NPT, EVN về mọi mặt trong quá trình hoạt động. Thương hiệu và uy tín của Công ty đã được khẳng định trên địa bàn, được các chủ đầu tư tin tưởng. Sản phẩm của Công ty luôn đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công và giá thành cạnh tranh. Điều này đã tạo nên sự khác biệt và lợi thế cho Công ty khi tiến hành đàm phán, thương thảo, ký kết các hợp đồng kinh tế.

Công ty có kinh nghiệm triển khai thi công các công trình lớn có kết cấu phức tạp, đòi hỏi chất lượng cao. Đội ngũ quản lý điều hành và trực tiếp thi công của Công ty có kinh nghiệm và hiểu biết sâu. Tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty luôn đoàn kết, không ngừng nỗ lực cố gắng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty luôn đầu tư năng lực thi công, trang bị máy móc hiện đại. Năng lực tài chính của Công ty trong những năm qua luôn có sự phát triển bền vững.

▪ Triển vọng tăng trưởng của ngành điện

Trong hơn một thập kỷ qua, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua những giai đoạn thăng

trăm từ tăng trưởng nông đến suy thoái kinh tế nhưng ngành Điện vẫn tăng trưởng bền vững qua từng năm với tốc độ tăng trưởng cao. Từ sản lượng điện thương phẩm chỉ ở mức 22,4 tỷ kWh vào năm 2000, đến năm 2016 sản lượng thương phẩm đã tăng lên 159,79 tỷ kWh tương ứng với mức tăng bình quân 13,07%/năm.

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, năm 2017, ngành sản xuất và phân phối điện đạt mức tăng trưởng 9,4% so với năm 2016, đóng góp 0,6 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng GDP của cả nền kinh tế. Sự tiêu thụ điện của nền kinh tế ngày càng tăng nhờ sự tăng trưởng của ngành Công nghiệp – Xây dựng do tác động của quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Tính đến cuối năm 2016, tổng công suất lắp đặt của các nhà máy điện đạt 41.424 MW, tương đương với mức tăng 7 lần so với năm 2000 (tương đương với CAGR 12,57% trong 16 năm). Công suất lắp đặt của các nhà máy phát điện gia tăng nhanh chóng đã tăng cường khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện trong nước và giảm sự phụ thuộc vào sản lượng điện nhập khẩu. Tỷ trọng điện nhập khẩu giảm từ mức 2,34% năm 2012 xuống còn 0,81% năm 2016.

Hơn nữa, cơ sở hạ tầng truyền tải điện còn hạn chế, tổng mức đầu tư lưới điện theo quy hoạch lên tới 824.000 tỷ đồng từ 2016-2030. Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Quy hoạch điện VII điều chỉnh 2016 đã đặt ra kế hoạch đầu tư lưới điện rất lớn trong giai đoạn từ 2016 đến 2030. Theo kế hoạch này, giai đoạn 2016-2020 tổng vốn đầu tư lưới điện là 214 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2021-2030 là 610 nghìn tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh mẽ hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Căn cứ vào tình hình ngành điện hiện nay và dự kiến tỷ lệ tăng trưởng trong những năm tới, có thể thấy, trong vòng 10 năm tới, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành điện của Việt Nam nói riêng có khả năng phát triển rất tốt. Kinh tế phục hồi kéo theo nhu cầu tiêu dùng điện ngày một tăng cao. Đây chính là một điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

▪ Sự ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu

Công ty cổ phần Sông Đà 11 có lợi thế là mối quan hệ bán hàng thân thiết với các nhà cung cấp. Hơn nữa, với những nỗ lực bình ổn giá vật liệu xây dựng của các cơ quan, ban ngành sẽ giúp công ty chủ động trong việc tính toán chi phí sản xuất.

8.2.2 Nhân tố khó khăn

Bên cạnh những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế so với những năm trước như: giá xăng dầu giảm, chỉ số lạm phát tốt hơn, lãi suất giảm thì vẫn còn những tồn tại từ hệ lụy của khủng hoảng kinh tế kéo dài từ nhiều năm trước tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty, cụ thể:

■ **Khó khăn trong công tác thi công**

Đối với các dự án lưới điện truyền tải thi giải phóng mặt bằng luôn được coi là khâu quan trọng nhất và quyết định đến tiến độ mỗi dự án. Bởi đặc thù đường dây đi qua nhiều địa phương, nhiều địa hình khác nhau và mỗi địa phương lại áp dụng đơn giá bồi thường khác nhau nên công tác đền bù giải phóng mặt bằng luôn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số công trình do vướng mắc về công tác đền bù và giải phóng mặt bằng nên công tác thi công gặp nhiều khó khăn, cụ thể như: EZ500KV Sông Mây - Tân Uyên, EZ500KV TTDL Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên, EZ500KV Mỹ Tho - Đức Hòa. Khó khăn này không chỉ ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình mà còn gây tổn thất cho công ty một khoản chi phí không nhỏ phụ thuộc vào đặc điểm riêng mỗi dự án.

Điều kiện thi công và điều kiện thời tiết luôn là khó khăn mà Công ty cổ phần Sông Đà 11 phải đối mặt trong hoạt động thi công các công trình. Các hoạt động xây lắp của Công ty chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Đây được coi là khó khăn chung mà tất cả các công ty thuộc ngành xây lắp điện và xây dựng đều phải đối mặt.

■ **Khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn đầu tư**

Thực tế, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển ngành Điện lực ở Việt Nam rất lớn, tuy nhiên khả năng đáp ứng nhu cầu này còn hạn chế. Lãi suất huy động năm 2017 và 9 tháng đầu năm 2018 tương đối ổn định. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngân hàng và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn; đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngân hàng từ 4%-5%/năm. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng đang tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, dưới áp lực kiểm soát nợ xấu, các tổ chức tín dụng hiện nay đang tỏ ra rất thận trọng với những khoản vay ngân hàng và trung hạn. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là đầu tư xây lắp điện, nhu cầu vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động triển khai các công trình, dự án là rất lớn. Trong khi đó, việc phụ thuộc lớn vào những yếu tố nội lực như lợi nhuận để lại, vốn chủ sở hữu có thể khiến việc huy động vốn không đủ, không kịp thời nên nhiều dự án phải hoãn tiến độ, tạm dừng để chờ bổ sung vốn.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Mục tiêu của SJB là trở thành đơn vị vững mạnh trong ngành xây dựng, duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình 10%/năm. Bên cạnh các công trình xây lắp được Tổng Công ty Sông Đà giao, Công ty sẽ chủ động chuẩn bị nhân lực, vật lực và tiềm năng tài chính để

tham gia đầu thầu các công trình xây dựng công nghiệp, thủy điện lớn.

- *Lời thề về thuong hiệu lâu năm:* Công ty cổ phần Sông Đà 11 là nhà thầu có uy tín và năng lực thi công mạnh trên thị trường. Với hơn 55 năm hình thành và phát triển, đi cùng sự phát triển của mạng lưới điện quốc gia từ những ngày đầu tiên, Công ty luôn chiếm ưu thế và nhận được lòng tin của khách hàng qua chất lượng của các công trình. SJE có kinh nghiệm trong việc xây lắp hàng nghìn km đường dây điện và hàng trăm trạm biến áp 500KV. Công ty đã có đủ năng lực để thực hiện thành công các dự án xây dựng thủy điện vừa và nhỏ. Chẳng đường hơn 55 năm đó đủ để chứng minh sự phát triển của một doanh nghiệp đã trải qua nhiều biến động khó khăn của nền kinh tế.

- *Lời thề về quản trị:* Ban lãnh đạo điều hành Công ty đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm lâu năm, hầu hết đều gắn bó với ngành điện từ những năm đầu tiên phát triển tại Việt Nam, đã cùng Công ty vượt qua những biến động của nền kinh tế cũng như những thăng trầm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhân sự Công ty được đào tạo chuyên nghiệp, bài bản và luôn được đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, quản trị, quản lý đạt hiệu quả công việc cao nhất.

- *Thị trường :* Thị trường hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước, trải dài từ miền Bắc đến miền Nam, các tỉnh Tây Nguyên,... Trong thời gian tới, với chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của mình, công ty sẽ tiếp tục đầu tư phát triển các ngành nghề truyền thống, mở rộng phạm vi hoạt động ra rộng khắp các tỉnh trên cả nước. Ngoài ra, Công ty hướng tới mục tiêu mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào, Campuchia,...

- *Tình hình tài chính:* Hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 so với các doanh nghiệp trong cùng ngành hiện đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán như sau:

Bảng số 16: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: Đồng